

Số: ...../2022/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2022

**DỰ THẢO**

**TỜ TRÌNH**

**V/v: Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2021**

**Kính trình:** Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Megram

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Megram;
- Căn cứ Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2021 của Công ty Cổ phần Megram.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2021 của Công ty. Báo cáo tài chính đã được công bố thông tin trên website của Công ty: <https://megram.vn>

Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản trên báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán như sau:

*Đơn vị tính: đồng*

| STT       | CHỈ TIÊU                                | 31/12/2021               | 31/12/2020               |
|-----------|-----------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>I</b>  | <b>Tình hình tài chính</b>              |                          |                          |
| 1         | Tài sản ngắn hạn                        | 1,215,033,445,301        | 1.166.459.103.119        |
| 2         | Tài sản dài hạn                         | 315,582,054,206          | 307.960.406.521          |
|           | <b><u>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</u></b>         | <b>1,530,615,499,507</b> | <b>1.474.419.509.640</b> |
| 1         | Nợ phải trả                             | 671,536,871,341          | 676,460,533,629          |
|           | Nợ ngắn hạn                             | 668,960,197,699          | 675,961,833,629          |
|           | Nợ dài hạn                              | 2,576,673,642            | 498.700.000              |
| 2         | Vốn chủ sở hữu                          | 859,078,628,166          | 797,958,976,011          |
|           | 1. Vốn góp của chủ sở hữu               | 440.000.000.000          | 440.000.000.000          |
|           | 2. Vốn khác của chủ sở hữu              | 23.471.789.361           | 23.471.789.361           |
|           | 3. Quỹ đầu tư phát triển                | 2.806.871.996            | 2.806.871.996            |
|           | 4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối    | 194,420,996,967          | 142,992,368,436          |
|           | 5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát      | 198,378,969,842          | 188.687.946.218          |
|           | <b><u>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</u></b>       | <b>1,530,615,499,507</b> | <b>1,474,419,509,640</b> |
| <b>II</b> | <b><u>Kết quả kinh doanh</u></b>        |                          |                          |
| 1         | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ  | 2,503,029,070,863        | 2,375,208,138,255        |
| 2         | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 72,983,898,014           | 70,312,516,808           |



|   |                                     |                |                |
|---|-------------------------------------|----------------|----------------|
| 3 | Lợi nhuận trước thuế                | 76,928,974,068 | 66,609,150,297 |
| 4 | Tổng lợi nhuận sau thuế thu nhập DN | 61,212,040,730 | 54,039,319,153 |
| 5 | Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ   | 51,323,102,196 | 40,547,603,371 |

**Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua!**

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Nơi nhận:**

- *Như trên;*

- *Lưu: VT, TK HĐQT*

**Milan Novosad**

